

# BA QUYẾT ĐỊNH LỊCH SỬ CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

★ PGS, TS LÝ VIỆT QUANG

*Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Trong hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh, có ba quyết định lịch sử, đó là việc lựa chọn hướng đi sang phương Tây; sự nhất quán, kiên định mục tiêu cứu nước, cứu dân; xác định con đường cách mạng đúng đắn. Ba quyết định này góp phần lý giải về hành trình tìm đường cứu nước và những cống hiến vĩ đại của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

● **Từ khóa:** Hồ Chí Minh; cứu nước, cứu dân; độc lập - tự do - hạnh phúc.

**N**gày 5-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành, rời Bến cảng Nhà Rồng đi sang phương Tây với khát vọng lớn lao: tìm con đường đi đúng đắn của đất nước, của dân tộc, để cứu nước, cứu dân, giành lại nền độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Từ đây mở ra hành trình lịch sử trong cuộc đời của Người, đồng thời cũng là những mốc son trong hành trình vĩ đại đến với độc lập - tự do - hạnh phúc của dân tộc Việt Nam trong thời hiện đại.

## 1. Sang phương Tây - một quyết định lịch sử

Trước khi Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, cụ Phan Bội Châu - một người bạn thân với cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân phụ Chủ tịch Hồ Chí Minh), đã từng mời Người tham gia phong trào Đông Du (một niềm vinh dự to lớn mà thanh niên thời đó không phải ai cũng dễ có được), nhưng anh thanh niên Nguyễn Tất Thành

khi đó đã từ chối. Mặc dù khi đó chưa có điều kiện hiểu rõ về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, nhưng bằng sự nhạy cảm của bản thân, Người không tán đồng với chủ trương của cụ Phan Bội Châu, với nhận xét tinh tế: “Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”<sup>(1)</sup>.

Đây là điều không phải người Việt Nam nào thời đó cũng nhận ra được. Bởi sau chiến thắng của nước Nhật trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905), Nhật nổi lên như một trong những điển hình tiêu biểu và là tấm gương sinh động cho sự chiến thắng của người châu Á trước người châu Âu, được coi là “anh cả da vàng” và vì “đồng văn, đồng chủng” nên dựa vào người Nhật để đánh đuổi Pháp là điều có sức thuyết phục. Nhưng thực tế lịch sử đã chứng minh, khi chính quyền Pháp và chính quyền Nhật bắt tay với nhau vì có chung

do Tỉnh uỷ Bình Định phối hợp với Viện Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh tổ chức tại Bình Định, tháng 8/2009).

Khi ở Bình Định, cụ Sắc có gặp gỡ, tiếp xúc với một số nhân sĩ yêu nước địa phương, trong đó có cụ Phạm Ngọc Thọ, lúc ấy đang dạy ở trường Tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn (là thân sinh của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch). Anh Thành được cha gửi học tiếp chương trình lớp nhất với thầy Phạm Ngọc Thọ và hoàn tất chương trình tiểu học vào khoảng tháng 6/1910. Sau đó, cụ Thọ làm giúp các thủ tục để anh Thành thi vào trường Hương sư (Quy Nhơn), nhưng dù thi đỗ xuất sắc anh vẫn bị gạt tên khỏi danh sách vì trước đó anh có tham gia phong trào chống thuế. Anh Thành trở lại Bình Khê gặp cha và nêu nguyện vọng đi vào Nam, được sự thống nhất của cha, anh Thành đã thực hiện ý định của mình.

Ở vùng đất phía Nam, cụ Sắc có một người bạn thân là cụ Trương Gia Mô đang hành nghề bốc thuốc ở xã Hòa Thủy, phủ Hòa Đa (nay là xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận). Cụ Trương Gia Mô (1866 - 1929) hiệu Cúc Nông, quê Bình Dương - Gia Định, có tài liệu nói ông đỗ

Những năm tháng cuối đời, Nguyễn Thông đã để lại cho bạn bè, gia đình và nhân dân Phan Thiết tấm lòng kính yêu. Ông mất vào ngày 7 tháng 7 năm 1884 (tức ngày 27 tháng 8 năm Giáp Thân).

Mộ chí của Nguyễn Thông xây cất dưới chân núi Ngọc Sơn (núi Cỏ) nay thuộc địa phận thôn Ngọc Lâm, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết. Lúc còn sống, Nguyễn Thông chọn núi Cỏ làm nơi yên nghỉ của mình; dưới chân núi là biển cả tạo nên phong cảnh sơn thủy hữu tình. Ngôi mộ được xây giản dị, gần gũi như tấm lòng và con người của ông. Mộ chiều dài 9,45m, rộng 6,35m. Phần chính mộ đắp hình con lân như những ngôi mộ người xưa. Trên mộ có tấm bia đá khắc chữ Hán, nội dung là bài ký do chính Nguyễn Thông viết để lột tả nỗi niềm tâm sự.<sup>(1)</sup>

**12. TRƯỜNG DỤC THANH** xây dựng năm 1907, trong khuôn viên nhà thờ cụ Nguyễn Thông ở làng Thành Đức (nay là số 39 đường Trưng Nhị, phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết). Trường do hai người con trai cụ Nguyễn Thông là Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh sáng lập để hưởng ứng cuộc vận động Duy Tân do chí sĩ Phan Châu Trinh khởi xướng. Mục tiêu của phong trào Duy Tân và của trường là mở mang dân trí, khơi dậy ý thức dân tộc, nòi giống. Đây là trường tư thực có nội dung giảng dạy tiến bộ nhất ở Bình Thuận lúc bấy giờ (thành lập cùng thời với trường Đông Kinh nghĩa thực).

Năm 1910 trên đường vào Nam, Nguyễn Tất Thành (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) được ông Trương Gia Mô giới thiệu đã đến Phan Thiết và dừng chân dạy học ở trường Dục Thanh. Học sinh của trường có khoảng 60 người cùng 7 thầy giáo giảng dạy các bộ môn: Hán văn, Pháp văn, thể dục thể thao... Thầy Thành dạy lớp nhì, chủ yếu là dạy quốc ngữ, Hán văn và phụ trách việc rèn luyện sức khỏe của nhà trường. Trong thời gian dạy học thầy Thành thường phổ biến cho học sinh các thơ ca yêu nước, và hướng dẫn học sinh thưởng ngoạn phong cảnh trong vùng.

1) Xem chương 3, Phần thứ tư - Địa chí Bình Thuận.

Vào khoảng tháng 2 năm 1911, thầy Thành rời trường Dục Thanh đi vào Sài Gòn rồi ra hải ngoại đi tìm con đường giải phóng dân tộc. Sau khi ông Nguyễn Trọng Lợi qua đời, ông Nguyễn Quý Anh chuyển vào Sài Gòn, không còn người phụ trách nên trường Dục Thanh đóng cửa vào năm 1912.

Ngôi trường xưa Bác dạy đã bị hư hỏng và dỡ bỏ từ lâu. Nhưng trong số học sinh thầy Thành dạy năm xưa vẫn còn lại 4 cụ. Đó là bác sĩ Nguyễn Quý Phẫu, bác sĩ Nguyễn Kinh Chi, cụ Từ Trường Phùng, cụ Nguyễn Đăng Lâu. Sau ngày quê hương được giải phóng, nguyện vọng của nhân dân là muốn phục chế lại ngôi trường Dục Thanh xưa để tỏ lòng biết ơn Bác Hồ kính yêu và giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ hiện nay và mai sau. Nhờ những ký ức, kỷ niệm của các cụ, vị trí ngôi trường và những thành phần kiến trúc nội, ngoại thất được hình thành qua các bản vẽ và được dựng lại vào những năm 1978 - 1980. Trường Dục Thanh có diện tích 137m<sup>2</sup>. Nhà Ngự từ năm 1908 dùng làm nơi nội trú của học sinh cũng được khôi phục lại.

Ngọa du sào là ngôi nhà mà những năm cuối đời cụ Nguyễn Thông thường ở đây ngâm thơ bình văn và luận bàn công việc với các sĩ phu yêu nước. Lúc ở trường Dục Thanh, thầy Thành đã đọc sách, soạn bài ở Ngọa du sào; ngôi nhà này cũng được tu bổ lại, hiện vật bên trong bị xáo trộn và mất mát khá nhiều.

Cây Khế, Giếng nước gắn bó với quãng đời làm thầy của Bác Hồ ở trường Dục Thanh nên cũng là điểm được chú ý trong Khu di tích.

Những hiện vật gốc dùng từ thời thầy Thành dạy học đến nay còn lưu giữ lại: một bộ trường kỷ, một bộ ván (phản) 3 tấm, một chiếc án thư, một chiếc tủ đứng, tráp văn thư, nghiên mài mực, 3 chiếc ly nhỏ, một chiếc khay.

Trường Dục Thanh được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa quốc gia ở Quyết định số 235/VH-QĐ ngày 12 tháng 12 năm 1986.

+ **Về thành phần học trò:** Đa số là con em các gia đình khá giả, có học sinh ở xa trường vài chục cây số, các huyện và tỉnh khác cũng đến trọ học, còn con em các gia đình lao động biển, ít có điều kiện để theo học. Mặt khác, ý thức việc mở mang dân trí cho con em chưa trở thành một nhu cầu bức thiết trong nhân dân lao động nghèo lúc bấy giờ.

+ **Nội dung giảng dạy ở trường Dục Thanh:** Theo nhiều nhà nghiên cứu cho rằng "ở Phan Thiết có một trường tư thực vào loại tiến bộ nhất Việt Nam". Trong bối cảnh chung của đất nước, năm 1907 - 1908 là năm đỉnh cao của phong trào chống sưu thuế khắp nơi trong cả nước, mạnh mẽ nhất là ở các tỉnh miền Trung. Thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp phong trào này, dẫn đến việc đóng cửa hàng loạt các trường dân lập, trong đó không loại trừ yếu tố vì nội dung giảng dạy ở các trường dân lập này đã góp phần khuyến khích học trò và nhân dân tư tưởng chống Pháp. Trong khi đó, các nhân sĩ yêu nước tại Phan Thiết lại mạnh dạn mở trường dạy học. Trường mang tên **Dục Thanh**, rõ ràng đã nói lên ý đồ của những người chủ trương mở trường nhằm **giáo dục thanh thiếu niên**. *Công tác tổ chức, phương pháp, nội dung*

thế giới thứ I họp Hội nghị Vécxây (Pháp), với những lời hứa hẹn mở ra hy vọng mới cho các dân tộc thuộc địa về quyền dân tộc tự quyết<sup>(6)</sup>, Hồ Chí Minh đã đề xướng việc gửi đến Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, gồm 8 điểm, đòi các quyền tự do dân chủ<sup>(7)</sup>. Đó là một cử chỉ thiện chí, một cách ứng xử hòa bình, “là một kịch bản chấm dứt tình trạng thuộc địa trước công thức: dân chủ về chính trị, rồi độc lập”<sup>(8)</sup>. Để tranh thủ sự ủng hộ của dư luận, Người đã phải sống rất cực khổ để dành dụm tiền thuê in Bản yêu sách, đem phân phát rộng rãi trong nhân dân Pháp và gửi về Việt Nam. Bản yêu sách đã không được các nước tham dự hội nghị đếm xỉa đến. Song, nó giúp Hồ Chí Minh “hiểu rằng những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. Và muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”<sup>(9)</sup>.

Cứu nước, cứu dân cũng là lý do để Hồ Chí Minh gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Trả lời câu hỏi tại sao gia nhập Đảng, Người nói rõ: “Chỉ vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bên vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của đại cách mạng Pháp: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”<sup>(10)</sup>.

Nhận xét về mục tiêu hành trình đi ra nước ngoài của Hồ Chí Minh, năm 1969, tại Sài Gòn, một vị linh mục đã cho rằng: “chúng ta có thể tin rằng chuyến đi của Nguyễn không phải là để tìm sinh kế. Hai mươi tuổi đầu rời bỏ quê hương, mang trong lòng tâm sự của một kẻ mất nước, thấy bất lực trên quê hương, thấy không thể tin ở một sự viện trợ của các nước Á châu, Nguyễn Tất Thành ra đi có thể vì thất vọng, có thể vì muốn tìm một giải pháp cho quê hương, điều chắc chắn là trong đầu óc của người trai biệt xứ, luôn luôn có một sự tìm kiếm. Đi tới

đâu, cũng nhận xét, cũng ghi chép, cũng tìm bạn, cũng gây ý thức... Đến Pari năm 1917, Nguyễn Tất Thành tìm cách liên lạc ngay với Việt kiều và tiếp xúc với các đảng phái chính trị. Cùng với luật sư Phan Văn Trường, Nguyễn Tất Thành (từ đây mang tên Nguyễn Ái Quốc) đã làm kiến nghị 8 điểm gửi lên các cường quốc họp tại điện Vécxây, đòi quyền lợi căn bản cho người Việt Nam. Một người tha phương cầu thực chắc không thể sớm có những ý thức và hành động như thế... Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm một giải pháp cho quê hương”<sup>(11)</sup>.

Nhìn lại lịch sử có thể thấy rõ, nếu chỉ vì “tìm sinh kế” cho cá nhân, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã không tham gia cuộc biểu tình chống thuế ở Trung Kỳ và chỉ cần tiếp tục theo học các trường bản xứ ở ngay trong nước và trở thành một công chức có cuộc sống thuận lợi trong bộ máy chính quyền thuộc địa. Con đường này rộng mở và ít hiểm nguy hơn rất nhiều so với con đường đi ra nước ngoài với hai bàn tay trắng, phải làm phụ bếp vất vả trên một con tàu vượt đại dương, hoàn toàn không có sự hậu thuẫn vật chất từ gia đình, không có sự giới thiệu, bảo lãnh của bất kỳ một nhân vật có thế lực nào trong chính quyền thuộc địa.

### 3. Xác định con đường cứu nước đúng đắn

Với truyền thống bất khuất chống giặc ngoại xâm hàng nghìn năm của dân tộc, từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam cho đến cuối thế kỷ XIX, các cuộc đấu tranh yêu nước đã diễn ra mạnh mẽ ở nhiều nơi, mà đỉnh cao là phong trào Cần Vương. Nhưng các cuộc đấu tranh này đều thất bại. Sự thất bại này cho thấy, ngọn cờ phong kiến đã không còn đủ khả năng huy động và tổ chức người dân chống giặc ngoại xâm như trước nữa. “Rõ ràng là đối với kẻ thù mới tư bản chủ nghĩa phương Tây, không thể dùng vũ khí cũ đã được ông cha dùng một cách

cái đã tạo nên văn minh và sức mạnh của các cường quốc trên thế giới để trở về mưu giành độc lập, tự cường cho dân tộc và tự do cho đồng bào. Trước đó, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cũng chủ trương dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài để đánh Pháp, giành độc lập cho dân tộc.

Tuy nhiên, cùng hành trang là chủ nghĩa yêu nước - nhân văn Việt Nam và chung mục đích khi đi ra nước ngoài, nhưng hai cụ Phan và Nguyễn Tất Thành lại có những điểm không tương đồng. Hai cụ Phan tìm học cái mới mà dân tộc ta chưa có, nhưng chủ yếu là tìm một chỗ dựa, một cứu cánh, mới chỉ tiến tới sự tiếp nhận; còn Nguyễn Tất Thành muốn tìm hiểu giá trị thật tạo nên cái mới và cả cái ẩn giấu đằng sau nó của phương Tây, đến tận nơi xem cho rõ cách làm. Chung hành trang, cùng mục đích, nhưng sự khác nhau về tầm nhìn và phương pháp đã tạo nên kết quả khác biệt.

Hai cụ Phan đưa về cái mà dân tộc ta chưa có, nhưng không biết rằng nó đã bắt đầu lỗi thời so với sự phát triển của lịch sử nhân loại. Vì vậy, những cố gắng cao nhất của hai cụ Phan chỉ là góp phần nuôi dưỡng ngọn lửa dân tộc và làm bùng phát phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, bởi những gì được xem là "mới" đối với dân tộc mà hai cụ Phan đưa về, trên thực tế, đã bị chính phong trào yêu nước của dân tộc vượt qua.

Với Hồ Chí Minh, cuộc hành trình trong gần một thập kỷ trực tiếp khảo sát, nghiên cứu tình hình xã hội của các dân tộc, chủng tộc và hòa vào thực tiễn cách mạng ở những nước có các cuộc cách mạng điển hình để khảo sát, nghiên cứu, học tập nhằm làm giàu văn hóa, nâng cao trí tuệ, mở rộng tầm nhìn và với phương pháp đúng đã giúp Hồ Chí Minh đi từ đất nước mình đến với nhân loại, để từ đó có thể chọn lọc và tiếp thu tinh hoa văn hóa - văn minh của loài người.

Nhờ vậy, Người đã đạt tới tầm thấu hiểu được cả sự tương đồng và khác biệt giữa triết lý phương

Đông và phương Tây; đã tìm ra nguồn gốc trực tiếp nổi thống khổ chung của các dân tộc thuộc địa, của những người lao động không phân biệt chủng tộc, màu da trên hành tinh này và nhận thấy nhu cầu về quyền dân tộc và quyền con người là khát vọng chung của các dân tộc bị áp bức và nhân dân cần lao trên toàn thế giới. Và, cùng với sự phê phán tính chất "không đến nơi" của cách mạng tư sản điển hình (Mỹ, Anh, Pháp), Hồ Chí Minh đã tiếp thu, ghi nhận những lời bất hủ, không thể chối cãi được về quyền con người trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp. Người cũng trực tiếp nghiên cứu, khảo sát thành quả của Cách mạng Tháng Mười với công cuộc xây dựng xã hội mới ở nước Nga (1923-1924) và trực tiếp tìm hiểu cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa nửa phong kiến lớn nhất ở phương Đông là Trung Quốc (1925-1927), Thái Lan (1928-1929)...

Những kết luận của Nguyễn Ái Quốc không phải chỉ là kết quả của sự khảo sát và trải nghiệm. Chỉ với tầm trí tuệ không ngừng được nâng cao trên cơ sở được làm giàu bằng tinh hoa văn hóa - văn minh nhân loại, với một tầm nhìn thế giới và phương pháp đúng, Người mới có thể phân tích để đúc rút được những kết luận đúng đắn như vậy. Tri thức sâu rộng cũng như thực tế trên thế giới qua hành trình khảo sát là cơ sở thực tiễn giúp Người tiến tới tiếp nhận và sử dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin để nhận thức được quy luật tiến hóa, xu thế phát triển của nhân loại. Trên cơ sở đó, Người đi tới khẳng định: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"<sup>(7)</sup> và chỉ rõ "cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"<sup>(8)</sup>.